

Số: 23/2015/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết về lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà thầu thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Áp dụng Mẫu báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu và các Phụ lục

1. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có phương thức lựa chọn nhà thầu là một giai đoạn một túi hồ sơ, việc lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có phương thức lựa chọn nhà thầu là một giai đoạn hai túi hồ sơ, việc lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, việc lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đối với gói thầu thực hiện sơ tuyển, mời quan tâm; cung cấp dịch vụ phi tư vấn; gói thầu có hình thức lựa chọn nhà thầu là chào hàng cạnh tranh, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp; gói thầu có phương thức lựa chọn nhà thầu là hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ, việc lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất được thực hiện trên

cơ sở vận dụng, chỉnh sửa các Mẫu số 01, 02 và 03 ban hành kèm theo Thông tư này cho phù hợp.

5. Đối với gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi phát sinh từ điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam với nhà tài trợ, nếu được nhà tài trợ chấp thuận thì việc lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất áp dụng theo các Mẫu số 01, 02 và 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Bên mời thầu căn cứ vào loại gói thầu, phương thức lựa chọn nhà thầu để lựa chọn các Mẫu biên bản, tờ trình tại các Phụ lục kèm theo Thông tư này cho phù hợp như sau:

a) Phụ lục 1: Mẫu Biên bản đóng thầu (nếu cần thiết);

b) Phụ lục 2A: Mẫu Biên bản mở thầu (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ);

c) Phụ lục 2B: Mẫu Biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

d) Phụ lục 3A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

đ) Phụ lục 3B: Mẫu Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

e) Phụ lục 4: Mẫu Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

g) Phụ lục 5A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ);

h) Phụ lục 5B: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

i) Phụ lục 6A: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp);

k) Phụ lục 6B: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn);

l) Phụ lục 7: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

m) Phụ lục 8: Mẫu Bản cam kết.

Điều 4. Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu

Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu tối đa là 45 ngày đối với đấu thầu trong nước, 60 ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày bên mời thầu trình chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt, kể

cả thời gian thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu nhưng không quá 20 ngày và phải bảo đảm tiến độ thực hiện dự án.

Điều 5. Đánh giá hồ sơ dự thầu

1. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu phải tuân thủ theo quy định của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và hồ sơ mời thầu.

2. Trong quy chế làm việc hoặc trong cách thức làm việc của tổ chuyên gia ở báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu phải nêu rõ cách xử lý trong trường hợp một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số thành viên khác. Thành viên của tổ chuyên gia được quyền bảo lưu ý kiến của mình.

3. Trường hợp nhà thầu cùng lúc tham dự thầu nhiều gói thầu và được đánh giá xếp hạng thứ nhất đối với gói thầu này đồng thời trúng thầu ở một hoặc nhiều gói thầu khác thì chủ đầu tư, bên mời thầu phải làm rõ khả năng thực hiện gói thầu của nhà thầu này trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

4. Trường hợp gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, bên mời thầu phải gửi thông báo bằng văn bản về kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đến các nhà thầu tham dự thầu. Trong văn bản thông báo phải nêu rõ tên nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, lý do các nhà thầu không đáp ứng về kỹ thuật, thời gian, địa điểm mở hồ sơ đề xuất về tài chính. Các nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật có thể cử đại diện tham dự lễ mở hồ sơ đề xuất về tài chính.

Điều 6. Tổ chuyên gia

1. Tổ chuyên gia do bên mời thầu hoặc đơn vị tư vấn (trong trường hợp thuê tư vấn làm bên mời thầu) thành lập. Thành viên tổ chuyên gia phải đáp ứng quy định tại Điều 116 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Từng thành viên tổ chuyên gia phải lập Bản cam kết theo Phụ lục 8 gửi bên mời thầu trước khi tiến hành đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm.

2. Trong trường hợp cần thiết, tổ trưởng tổ chuyên gia ban hành quy chế làm việc của tổ chuyên gia, trong đó bao gồm những nội dung chính như sau:

- a) Phân công công việc cụ thể cho từng thành viên;
- b) Thời gian dự kiến hoàn thành việc đánh giá hồ sơ dự thầu;
- c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia;
- d) Các nội dung cần thiết khác.

Điều 7. Trình, thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ:

Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia, bên mời thầu trình chủ đầu tư phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.

2. Đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ:

a) Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật của tổ chuyên gia, bên mời thầu trình chủ đầu tư phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật phải được thẩm định trước khi phê duyệt;

b) Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính của tổ chuyên gia, bên mời thầu trình chủ đầu tư phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.

3. Trên cơ sở kết quả xếp hạng nhà thầu và thương thảo hợp đồng, bên mời thầu trình chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Kết quả lựa chọn nhà thầu phải được thẩm định trước khi phê duyệt.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

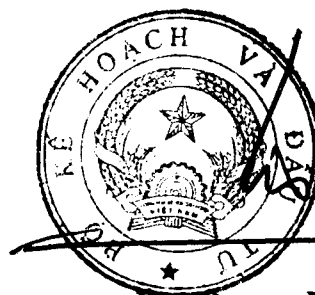
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2016. Thông tư này thay thế Thông tư số 09/2010/TT-BKH ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp và Thông tư số 15/2010/TT-BKH ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy Ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Kế hoạch và Đầu tư;
- Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, Cục QLĐT (H.).



Bùi Quang Vinh



MẪU SỐ 01

MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

**(đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp
áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 23/2015/TT-BKHĐT
ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
KHLCNT	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSĐT	Hồ sơ dự thầu
Chủ đầu tư	Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên
Dự án	Dự án đầu tư phát triển hoặc dự toán mua sắm thường xuyên

PHẦN I:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

(tên gói thầu)

(tên dự án)

(tên Bên mời thầu)

Số: /

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]

thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên mời thầu]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

a) Phần này nêu khái quát về dự án, gói thầu và các văn bản pháp lý là cơ sở để thực hiện gói thầu:

- Tên Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- Tên dự án và tóm tắt về dự án;
- Tên gói thầu và tóm tắt về gói thầu; nội dung của gói thầu được phê duyệt trong KHLCNT;
- Một số mốc thời gian chính trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Các văn bản pháp lý liên quan được liệt kê và đính kèm (bản chụp) báo cáo này.

b) Liệt kê danh sách nhà thầu mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu và danh sách nhà thầu nộp HSĐT.

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được _____ [Ghi tên Bên mời thầu/tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp] thành lập theo Quyết định số _____ [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện đánh giá HSĐT gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

Trường hợp Chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp đánh giá HSĐT thì bổ sung nội dung sau: Căn cứ hợp đồng số _____ [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày _____ [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa _____ [Ghi tên Bên mời thầu] và _____ [Ghi tên tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp] về việc thuê tổ chức/đơn vị đánh giá HSĐT gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

b) Thành phần tổ chuyên gia:

*Phần này mô tả số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia tại **Bảng số 1**.*

Bảng số 1

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HSDT

1. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

Căn cứ vào kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp của HSDT do Bên mời thầu thực hiện, kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

Stt	Tên nhà thầu	Nội dung không thống nhất		Ghi chú
		Bản gốc	Bản chụp	

2. Kết quả kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

a) Trên cơ sở kiểm tra tính hợp lệ của HSDT (*lập theo Mẫu số 1*); đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDT (*lập theo Mẫu số 2*), kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

Bảng số 3

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)	Ghi chú

b) Thuyết minh về các trường hợp HSDT không hợp lệ (*kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSDT*).

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSDT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ HSDT).

3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm (trường hợp không áp dụng sơ tuyển)

a) Trên cơ sở đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của từng nhà thầu (lập theo Mẫu số 3), kết quả đánh giá nội dung này được tổng hợp theo **Bảng số 4** dưới đây:

Bảng số 4

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong HSMT. Phần này thuyết minh chi tiết về việc không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSDT).

c) Các nội dung làm rõ HSDT nhằm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có). Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ HSDT).

Ghi chú:

Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển và khi nộp HSDT có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm so với thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển thì cần cập nhật các thông tin về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.

Trường hợp HSMT quy định cho phép nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì tổ chuyên gia tiến hành đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có) theo các tiêu chuẩn quy định trong HSMT.

4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

a) Trên cơ sở đánh giá về kỹ thuật của từng HSDT (lập theo Mẫu số 4A hoặc Mẫu số 4B), kết quả đánh giá về kỹ thuật được tổng hợp theo **Bảng số 5** dưới đây:

Liệt kê tên nhà thầu, số điểm tương ứng (theo thứ tự từ cao đến thấp trong trường hợp đánh giá theo phương pháp chấm điểm) hoặc đạt, không đạt trong trường hợp đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt.

Bảng số 5

Stt	Tên nhà thầu	Kết quả đánh giá	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSMT (kể cả khi đã làm rõ HSDT). *Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của HSDT.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá. *Phần này nêu rõ các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó.*

5. Kết quả đánh giá về tài chính

Trên cơ sở đánh giá về tài chính của từng HSDT (lập theo Mẫu số 11), kết quả đánh giá về tài chính được tổng hợp theo **Bảng số 6** dưới đây:

Bảng số 6

Stt	Nội dung	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có))			
2	Giá trị sửa lỗi			
3	Giá trị hiệu chỉnh sai lệch			
4	Tỷ lệ % sai lệch thiếu			
5	Giá trị giảm giá (nếu có)			
6	Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có)			
7	Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT (nếu có)			
8	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có)			
	Phương pháp giá thấp nhất¹			
9	Δ_{UD} (nếu có)			
10	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có)			
	Phương pháp giá đánh giá²			
11	Giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng			
12	Δ_{UD} (nếu có)			
13	Giá đánh giá			

Phần này nêu các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá về tài chính (nếu có).

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá thì bỏ nội dung này.

² Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất thì bỏ nội dung này.

6. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá HSDT

Trên cơ sở đánh giá HSDT của tổ chuyên gia, kết quả đánh giá HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 7** với các nội dung cơ bản như sau:

Bảng số 7

Stt	Nội dung	Nhà thầu		
		A	B	...
1	Kết quả đánh giá tính hợp lệ của HSDT			
2	Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm			
3	Kết quả đánh giá về kỹ thuật			
	Phương pháp giá thấp nhất¹			
4	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có) ²			
5	Xếp hạng các HSDT*			
	Phương pháp giá đánh giá³			
6	Giá đánh giá ⁴			
7	Xếp hạng các HSDT*			

Ghi chú:

- * Đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp áp dụng đấu thầu trong nước: việc xếp hạng các HSDT tại Stt 5 và 7 cần xem xét đến các trường hợp được hưởng ưu đãi như sau:

(i) HSDT của nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có hợp đồng lao động tối thiểu 03 tháng; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ được xếp hạng cao hơn HSDT của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 63/CP.

(ii) Trường hợp sau khi ưu đãi, nếu các HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 63/CP.

- Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần thì việc đánh giá HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá thì bỏ nội dung này.

² Kết chuyển giá trị từ Stt 10 của Bảng số 6.

³ Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất thì bỏ nội dung này.

⁴ Kết chuyển giá trị từ Stt 13 của Bảng số 6.

7. Đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong HSĐT¹

Trong trường hợp HSMT cho phép chào phương án kỹ thuật thay thế để tìm kiếm những đề xuất sáng tạo của nhà thầu mang lại hiệu quả cao hơn cho gói thầu thì cần đánh giá phương án đề xuất thay thế của nhà thầu xếp hạng thứ nhất và đề xuất các nội dung cụ thể để Bên mời thầu và nhà thầu thương thảo trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá HSĐT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;

2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;

3. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSĐT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

Stt	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

¹ Trường hợp HSMT không cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế thì xóa bỏ nội dung này.

KIỂM TRA TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDT

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung kiểm tra	Kết quả ⁽¹⁾		Ghi chú
		Có	Không có	
1	Có bản gốc và đủ số lượng bản chụp HSDT			
2	Đơn dự thầu			
3	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) ⁽²⁾			
4	Giấy ủy quyền (nếu có) ⁽³⁾			
5	Bảo đảm dự thầu			
6	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu			
7	Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu			
8	Đề xuất về kỹ thuật			
9	Đề xuất về tài chính			
10	Các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định của HSMT			

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng của cột "Có", nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng của cột "Không có".

(2) Trường hợp là nhà thầu liên danh thì phải kiểm tra nội dung này. Trường hợp nhà thầu độc lập, không áp dụng điều kiện này.

(3) Trường hợp có ủy quyền thì kiểm tra nội dung này. Trường hợp không có ủy quyền thì bỏ nội dung này.

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDT

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾		Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đáp ứng	Không đáp ứng		
1	Bản gốc HSDT				
2	Đơn dự thầu ⁽³⁾				
3	Thời hạn hiệu lực của HSDT				
4	Bảo đảm dự thầu				
5	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh)				
6	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh)				
7	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật đấu thầu				
KẾT LUẬN⁽⁴⁾					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu đánh giá là “Đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đáp ứng”, nếu đánh giá là “không đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đáp ứng” và nêu rõ lý do không đáp ứng tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(3) Đơn dự thầu bao gồm các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định 63/CP.

(4) HSDT được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là “đáp ứng”, HSDT được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “không đáp ứng”.

ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

HSDT của nhà thầu: _____

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm ⁽¹⁾		Các yêu cầu cần tuân thủ ⁽²⁾			Kết quả đánh giá ⁽³⁾	Nhận xét của chuyên gia ⁽⁴⁾	Ghi chú
Stt	Mô tả	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh				
			Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh		
	Yêu cầu						
Kết luận⁽⁵⁾							

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" thì ghi "Đạt", nếu được đánh giá là "không đạt" thì ghi "Không đạt" và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(4) Kể khai các nội dung trong HSDT của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT và lý do "Không đạt".

(5) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là "đạt", nhà thầu được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là "không đạt".

Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có).

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng phương pháp chấm điểm)

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong HSMT ⁽²⁾		ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
TỔNG CỘNG						
KẾT LUẬN⁽⁴⁾						

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT.

Đình kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có).

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾		Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đạt	Không đạt		
	KẾT LUẬN⁽³⁾				

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là “đạt” hoặc “chấp nhận được” hoặc “không đạt” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(3) HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong HSMT.

Đính kèm theo văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu (bản chụp), văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (bản chụp).

SỬA LỖI⁽¹⁾

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung cần sửa lỗi	Giá trị lỗi số học	Giá trị lỗi khác	Ghi chú
1.				
2.				
...				
n.				
Tổng cộng		(i)	(ii)	
KẾT LUẬN				

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Việc sửa lỗi thực hiện theo quy định trong HSMT.

Đính kèm theo bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả sửa lỗi HSDT; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc sửa lỗi của Bên mời thầu.

HIỆU CHỈNH SAI LỆCH⁽¹⁾

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung cần hiệu chỉnh sai lệch	Giá trị sai lệch		Ghi chú
		Sai lệch thiếu	Sai lệch thừa	
1.		i_1	ii_1	
2.		i_2	ii_2	
.....		
n.		i_n	ii_n	
Tổng cộng		i	ii	
Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có))		(iii)		
Tỷ lệ sai lệch thiếu (%)		$= (i_1 + i_2 +\dots+ i_n)*100\% / (iii)$		
KẾT LUẬN⁽²⁾				

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Việc hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định trong HSMT.

(2) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT khi có sai lệch thiếu với tổng giá trị tuyệt đối không quá 10% giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)).

Đính kèm bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả hiệu chỉnh sai lệch HSDT; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc hiệu chỉnh sai lệch của Bên mời thầu.

**CHUYỂN ĐỔI GIÁ DỰ THẦU SAU SỬA LỖI,
HIỆU CHỈNH SAI LỆCH, TRỪ GIÁ TRỊ GIẢM GIÁ (NẾU CÓ)
CHUYỂN ĐỔI VỀ MỘT ĐỒNG TIỀN CHUNG⁽¹⁾**

HSDT của nhà thầu _____

Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có)	Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp trong HSMT cho phép nhà thầu chào nhiều đồng tiền khác nhau thì trong báo cáo cần chuyển đổi giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá) sang một đồng tiền chung theo tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT.

Trường hợp không cần chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có) về một đồng tiền chung thì bỏ Mẫu này.

**ĐƯA CÁC CHI PHÍ VỀ MỘT MẶT BẰNG ĐỂ
XÁC ĐỊNH GIÁ ĐÁNH GIÁ⁽¹⁾**

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung cần đưa về một mặt bằng	Cách thức đưa về một mặt bằng	Chi phí
1	<i>Chi phí vận hành, bảo dưỡng</i>		
2	<i>Chi phí lãi vay (nếu có)</i>		
3	<i>Tiến độ</i>		
4	<i>Chất lượng</i>		
5	<i>Xuất xứ (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)</i>		
6	<i>Các yếu tố khác (nếu có)</i>		
TỔNG CỘNG			

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Phần này cần liệt kê các yếu tố đưa về một mặt bằng để xác định giá đánh giá theo quy định trong HSMT và các chi phí tương ứng được quy đổi về cùng một mặt bằng.

XÁC ĐỊNH DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI CỦA GÓI THẦU

(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)

Trường hợp hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì tổ chuyên gia tiến hành kiểm tra, tính toán lại về tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước để xác định chính xác hàng hóa do nhà thầu chào có thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi hay không. Từ đó, xác định các hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong tổng số các loại hàng hóa theo yêu cầu của HSMT để làm cơ sở xác định Δ_{UD} theo Mẫu số 10 như sau:

Stt	Hàng hóa	Nhà thầu	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)
	Hàng hóa 1	Nhà thầu A, Nhà thầu B	
	Hàng hóa 2	Nhà thầu A	
	Hàng hóa 3	Nhà thầu B, Nhà thầu C	
	...		

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong các hàng hóa theo yêu cầu của HSMT.

(2) Ghi tên các nhà thầu chào hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

**XÁC ĐỊNH Δ_{UD} ĐỐI VỚI HÀNG HÓA
KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI
(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)**

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Hàng hóa	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có)	Δ_{UD}
(1)	(2)	(3)	(4)
	Hàng hóa 1		
	Hàng hóa 2		
	...		
	Tổng cộng		

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(2) Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi;

(3) Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) của từng loại hàng hóa tương ứng ở cột (2);

(4) Cách xác định Δ_{UD} đối với hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi (bao gồm cả đấu thầu trong nước và quốc tế) = 7,5% x (3).

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung	Giá trị
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có))	
2	Giá trị sửa lỗi	
3	Giá trị hiệu chỉnh sai lệch	
4	Tỷ lệ sai lệch thiếu	
5	Giá trị giảm giá (nếu có)	
6	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có)	
7	Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT (nếu có)	
8	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có)	
	Phương pháp giá thấp nhất⁽¹⁾	
9	Δ_{UD} (nếu có) ⁽²⁾	
10	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có)	
	Phương pháp giá đánh giá⁽³⁾	
11	Giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng	
12	Δ_{UD} (nếu có) ⁽⁴⁾	
13	Giá đánh giá	

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá thì bỏ nội dung này.

(3) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất thì bỏ nội dung này.

(2), (4) Δ_{UD} : là giá trị cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi, được xác định như sau:

- Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa lấy theo kết quả ở Mẫu số 10;

- Đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp áp dụng đấu thầu quốc tế: Δ_{UD} được tính bằng $7,5\% \times$

Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có) chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) (Stt 8 Mẫu này).

PHẦN II: DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

Stt	Tài liệu	Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)
I	Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	
1.	KHLCNT	
2.	Quyết định phê duyệt HSMT, kèm theo HSMT được duyệt	
3.	Văn bản thành lập tổ chuyên gia	
4.	Quy chế làm việc của tổ chuyên gia (nếu có)	
5.	Chứng chỉ đào tạo về đấu thầu hoặc chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu của các thành viên trong tổ chuyên gia (bản chụp)	
II	Tổ chức lựa chọn nhà thầu	
6.	Thông báo mời thầu hoặc thư mời thầu	
7.	Văn bản yêu cầu làm rõ HSMT của nhà thầu (nếu có)	
8.	Văn bản làm rõ HSMT (nếu có)	
9.	Văn bản sửa đổi HSMT (nếu có)	
10.	Biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có)	
11.	Văn bản cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có), kèm theo thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)	
12.	Tài liệu xác nhận nhà thầu nộp HSDT	
13.	Biên bản đóng thầu (nếu có)	
14.	Biên bản mở thầu	
III	Đánh giá HSDT	
15.	HSDT của các nhà thầu tham dự (bản chụp)	
16.	Bản kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp HSDT của các nhà thầu	
17.	Bản kiểm tra tính hợp lệ của HSDT	
18.	Bản đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDT	
19.	Bản đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của từng nhà thầu	
20.	Bản đánh giá chi tiết về kỹ thuật của từng HSDT	
21.	Bản sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch	
22.	Bản chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có) sang một đồng tiền chung	
23.	Bảng đưa các chi phí về một mặt bằng của từng HSDT (<i>đối với phương pháp giá đánh giá</i>)	
24.	Bảng xác định hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi (nếu có)	
25.	Bảng xác định Δ_{UD} (nếu có)	
26.	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá về tài chính của từng nhà thầu	
27.	Văn bản phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu	
28.	Biên bản thương thảo hợp đồng	
29.	Các tài liệu khác có liên quan	



MẪU SỐ 02

MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

**(đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp
áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 23/2015/TT-BKHĐT
ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/ 2013
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
KHLCNT	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSDXKT	Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật
HSDXTC	Hồ sơ đề xuất về tài chính
Chủ đầu tư	Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên
Dự án	Dự án đầu tư phát triển hoặc dự toán mua sắm thường xuyên

**PHẦN I:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT**

(tên gói thầu)

(tên dự án)

(tên Bên mời thầu)

Số: / _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]

thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên mời thầu]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

a) Phần này nêu khái quát về dự án, gói thầu và các văn bản pháp lý là cơ sở để thực hiện gói thầu:

- Tên Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- Tên dự án và tóm tắt về dự án;
- Tên gói thầu và tóm tắt về gói thầu; nội dung của gói thầu được phê duyệt trong KHLCNT;
- Một số mốc thời gian chính trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Các văn bản pháp lý liên quan được liệt kê và đính kèm (bản chụp) báo cáo này.

b) Liệt kê danh sách nhà thầu mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu và danh sách nhà thầu nộp HSĐT.

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được _____ [Ghi tên Bên mời thầu/tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp] thành lập theo Quyết định số _____ [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện đánh giá HSĐT gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

Trường hợp Chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp đánh giá HSĐT thì bổ sung nội dung sau: Căn cứ hợp đồng số _____ [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày _____ [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa _____ [Ghi tên Bên mời thầu] và _____ [Ghi tên tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp] về việc thuê tổ chức/đơn vị đánh giá HSĐT gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

b) Thành phần tổ chuyên gia:

*Phần này mô tả số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia tại **Bảng số 1**.*

Bảng số 1

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong báo cáo này.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HSDXKT

1. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

Căn cứ vào kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp của HSDXKT do Bên mời thầu thực hiện, kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

Stt	Tên nhà thầu	Nội dung không thống nhất		Ghi chú
		Bản gốc	Bản chụp	

2. Kết quả kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT

a) Trên cơ sở kiểm tra tính hợp lệ của HSDXKT (lập theo Mẫu số 1); đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDXKT (lập theo Mẫu số 2), kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDXKT được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

Bảng số 3

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)	Ghi chú

b) Thuyết minh về các trường hợp HSDXKT không hợp lệ (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSDXKT).

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSDXKT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDXKT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDXKT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ HSDXKT).

3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm (trường hợp không áp dụng sơ tuyển)

a) Trên cơ sở đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của từng nhà thầu (lập theo Mẫu số 3), kết quả đánh giá nội dung này được tổng hợp theo **Bảng số 4** dưới đây:

Bảng số 4

TT	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong HSMT. Phần này thuyết minh chi tiết về việc không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSDXKT).

c) Các nội dung làm rõ HSDXKT nhằm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có). Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ HSDT).

Ghi chú:

Trường hợp HSMT quy định cho phép nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì tổ chuyên gia tiến hành đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có) theo các tiêu chuẩn quy định trong HSMT.

Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển và khi nộp HSDT có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm so với thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển thì cần đánh giá lại năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.

4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

a) Trên cơ sở đánh giá về kỹ thuật của từng HSDXKT (lập theo Mẫu số 4A hoặc Mẫu số 4B), kết quả đánh giá về kỹ thuật được tổng hợp theo **Bảng số 5** dưới đây:

Liệt kê tên nhà thầu, số điểm tương ứng (theo thứ tự từ cao đến thấp trong trường hợp đánh giá theo phương pháp chấm điểm) hoặc đạt, không đạt trong trường hợp đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt.

Stt	Tên nhà thầu	Kết quả đánh giá	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSMT (kể cả khi đã làm rõ HSDT). *Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá. *Phần này nêu rõ các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó.*

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá HSDXKT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

1. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;
2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;
3. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

Stt	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

KIỂM TRA TÍNH HỢP LỆ CỦA HSĐXKT

HSĐXKT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung kiểm tra	Kết quả ⁽¹⁾		Ghi chú
		Có	Không có	
1	Có bản gốc và đủ số lượng bản chụp HSĐXKT			
2	Đơn dự thầu thuộc HSĐXKT			
3	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) ⁽²⁾			
4	Giấy ủy quyền (nếu có) ⁽³⁾			
5	Bảo đảm dự thầu			
6	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu			
7	Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu			
8	Đề xuất về kỹ thuật			
9	Các thành phần khác thuộc HSĐXKT			

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng của cột "Có", nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng của cột "Không có".

(2) Trường hợp là nhà thầu liên danh phải kiểm tra nội dung này. Trường hợp nhà thầu độc lập, không áp dụng điều kiện này.

(3) Trường hợp có ủy quyền thì kiểm tra nội dung này. Trường hợp không có ủy quyền thì bỏ nội dung này.

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDXKT

HSDXKT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾		Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đáp ứng	Không đáp ứng		
1	Bản gốc HSDXKT				
2	Đơn dự thầu ⁽³⁾				
3	Hiệu lực của HSDXKT				
4	Bảo đảm dự thầu				
5	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).				
6	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh)				
7	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật đấu thầu				
KẾT LUẬN⁽⁴⁾					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu đánh giá là “Đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đáp ứng”, nếu đánh giá là “không đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đáp ứng” và nêu rõ lý do không đáp ứng tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(3) Đơn dự thầu bao gồm các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định 63/CP.

(4) HSDT được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là “đáp ứng”, HSDT được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “không đáp ứng”.

ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

HSDT của nhà thầu: _____

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm ⁽¹⁾		Các yêu cầu cần tuân thủ ⁽²⁾			Kết quả đánh giá ⁽³⁾	Nhận xét của chuyên gia ⁽⁴⁾	Ghi chú
Stt	Mô tả	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh				
			Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh		
	Yêu cầu						
Kết luận⁽⁵⁾							

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1), (2) Theo tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định trong HSMT.
- (3) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là “đạt” thì ghi “Đạt”, nếu được đánh giá là “không đạt” thì ghi “Không đạt” và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia.
- (4) Kê khai các nội dung trong HSDT của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT và lý do “Không đạt”.
- (5) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là “đạt”, nhà thầu được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “không đạt”.

Đình kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bỏ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có).

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng phương pháp chấm điểm)

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong HSMT ⁽²⁾		ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
TỔNG CỘNG						
KẾT LUẬN⁽⁴⁾						

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT.

Đính kèm theo văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu (bản chụp), văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (bản chụp).

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾		Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đạt	Chấp nhận được		
KẾT LUẬN⁽³⁾					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(3) HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT.

Đính kèm theo văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu (bản chụp), văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (bản chụp).

**PHẦN II:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH**

(tên gói thầu)

(tên dự án)

(tên Bên mời thầu)

[TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ
ĐÁNH GIÁ HSDT]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]

thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên mời thầu]

I. DANH SÁCH NHÀ THẦU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Căn cứ quyết định số: _____ ngày _____ về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của _____ [ghi tên Chủ đầu tư], danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật bao gồm:

[Liệt kê danh sách nhà thầu theo quyết định phê duyệt].

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HSDXTC

1. Mở HSDXTC

Phần này ghi rõ các thông tin dưới đây:

- Thời gian và địa điểm mở HSDXTC;
- Danh sách các nhà thầu được mở HSDXTC;
- Các vấn đề trong quá trình mở HSDXTC cần xử lý tình huống.

2. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

Căn cứ vào kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp của HSDXTC do Bên mời thầu thực hiện, kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp được tổng hợp theo **Bảng số 1** dưới đây:

Bảng số 1

Stt	Tên nhà thầu	Nội dung không thống nhất		Ghi chú
		Bản gốc	Bản chụp	

3. Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC

a) Trên cơ sở kiểm tra tính hợp lệ của HSDXTC (lập theo Mẫu số 1); đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDXTC (lập theo Mẫu số 2), kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDXTC được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt/không đạt)	Ghi chú

b) Thuyết minh về các trường hợp HSDXTC không hợp lệ (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSDXTC).

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSDXTC (nếu có). Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDXTC của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDXTC của nhà thầu liên quan đến tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSDXTC.

4. Kết quả đánh giá về tài chính

Trên cơ sở đánh giá về giá của từng HSDXTC (lập theo Mẫu số 10), kết quả đánh giá về giá được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

Bảng số 3

Stt	Nội dung	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có))			
2	Giá trị sửa lỗi			
3	Giá trị hiệu chỉnh sai lệch			
4	Tỷ lệ % sai lệch thiếu			
5	Giá trị giảm giá (nếu có)			
6	Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có)			
7	Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT (nếu có)			
8	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có)			
	Phương pháp giá thấp nhất¹			
9	Δ_{USD} (nếu có)			
10	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một			

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

	đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có)			
	Phương pháp giá đánh giá¹			
11	Giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng			
12	Δ_{UD} (nếu có)			
13	Giá đánh giá			
	Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá²			
14	Điểm giá			
15	Điểm kỹ thuật			
16	Điểm tổng hợp			
17	Điểm ưu đãi (nếu có)			
18	Điểm tổng hợp sau ưu đãi			

Phần này nêu các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá HSDXTC (nếu có).

Ghi chú:

Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc đơn giá điều chỉnh, chi phí dự phòng không dùng để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

III. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HSDXTC

Trên cơ sở đánh giá HSDXTC của tổ chuyên gia, kết quả đánh giá HSDXTC được tổng hợp theo **Bảng số 4** với các nội dung cơ bản như sau:

Bảng số 4

Stt	Nội dung	Nhà thầu		
		A	B	...
1	Kết quả đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC			
	Phương pháp giá thấp nhất³			
2	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính giá trị ưu đãi (nếu có) ⁴			
3	Xếp hạng các HSDT [*]			
	Phương pháp giá đánh giá⁵			
4	Giá đánh giá ⁶			
5	Xếp hạng các HSDT [*]			

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

² Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá thì bỏ nội dung này.

³ Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

⁴ Kết chuyển từ stt 10 Bảng số 3.

⁵ Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

⁶ Kết chuyển từ stt 13 Bảng số 3.

Stt	Nội dung	Nhà thầu		
		A	B	...
	Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá¹			
6	Điểm tổng hợp ²			
7	Xếp hạng các HSDT*			

Ghi chú:

- * Đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp áp dụng đấu thầu trong nước: việc xếp hạng các HSDT tại mục số 3, 5 và 7 cần xem xét đến các trường hợp được hưởng ưu đãi như sau:

(i) HSDT của nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có hợp đồng lao động tối thiểu 03 tháng; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ được xếp hạng cao hơn HSDT của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 63/CP.

(ii) Trường hợp sau khi ưu đãi, nếu các HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 63/CP.

- Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần thì việc đánh giá HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá); tổng điểm tổng hợp cao nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

IV. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ³

Trong trường hợp HSMT cho phép chào phương án kỹ thuật thay thế để tìm kiếm những đề xuất sáng tạo của nhà thầu mang lại hiệu quả cao hơn cho gói thầu thì cần đánh giá phương án đề xuất thay thế của nhà thầu xếp hạng thứ nhất và đề xuất các nội dung cụ thể để Bên mời thầu và nhà thầu thương thảo trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá HSDXTC, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá thì bỏ nội dung này.

² Kết chuyển từ stt 18 Bảng số 3.

³ Trường hợp HSMT không cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế thì xóa bỏ nội dung này.

2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;

3. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.

VI. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

Stt	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

KIỂM TRA TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDXTC

HSDXTC của nhà thầu _____

Stt	Nội dung kiểm tra	Kết quả ⁽¹⁾		Ghi chú
		Có	Không có	
1	Có bản gốc và đủ số lượng bản chụp HSDXTC			
2	Đơn dự thầu thuộc HSDXTC			
3	Bảng giá tổng hợp			
4	Các thành phần khác thuộc HSDXTC			

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng của cột "Có", nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng của cột "Không có".

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDXTC

HSDXTC của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾		Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đáp ứng	Không đáp ứng		
1.	Có bản gốc HSDXTC				
2.	Đơn dự thầu ⁽³⁾				
KẾT LUẬN⁽⁴⁾					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là “Đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đáp ứng” (trường hợp đáp ứng sau khi bổ sung, làm rõ thì nêu rõ tại cột Ghi chú tương ứng), nếu được đánh giá là “không đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đáp ứng” và nêu rõ lý do không đáp ứng tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(3) Đơn dự thầu bao gồm các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 Nghị định 63/CP.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là “đáp ứng”, nhà thầu được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “không đáp ứng”.

SỬA LỖI⁽¹⁾

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung cần sửa lỗi	Giá trị lỗi số học	Giá trị lỗi khác	Ghi chú
1.				
2.				
...				
n.				
Tổng cộng		(i)	(ii)	
KẾT LUẬN				

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Việc sửa lỗi thực hiện theo quy định trong HSMT.

Đính kèm theo bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả sửa lỗi HSDT; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc sửa lỗi của Bên mời thầu.

HIỆU CHỈNH SAI LỆCH⁽¹⁾

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung cần hiệu chỉnh sai lệch	Giá trị sai lệch		Ghi chú
		Sai lệch thiếu	Sai lệch thừa	
1.		i_1	ii_1	
2.		i_2	ii_2	
.....		
n.		i_n	ii_n	
Tổng cộng		i	ii	
Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có))		(iii)		
Tỷ lệ sai lệch thiếu (%)		$= (i_1 + i_2 +\dots+ i_n)*100\%/ (iii)$		
KẾT LUẬN⁽²⁾				

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Việc hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định trong HSMT.

(2) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT khi có sai lệch thiếu với tổng giá trị tuyệt đối không quá 10% giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)).

Đính kèm bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả hiệu chỉnh sai lệch HSDT; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc hiệu chỉnh sai lệch của Bên mời thầu.

**CHUYỂN ĐỔI GIÁ DỰ THẦU SAU SỬA LỖI VÀ
HIỆU CHỈNH SAI LỆCH TRỪ GIÁ TRỊ GIẢM GIÁ (NẾU CÓ)
SANG MỘT ĐỒNG TIỀN CHUNG⁽¹⁾**

HSDT của nhà thầu _____

Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có)	Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT	Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp trong HSMT cho phép nhà thầu chào nhiều đồng tiền khác nhau thì trong báo cáo cần chuyển đổi giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá) sang một đồng tiền chung theo tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT.

Trường hợp không cần chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có) về một đồng tiền chung thì bỏ Mẫu này.

**ĐƯA CÁC CHI PHÍ VỀ MỘT MẶT BẰNG ĐỂ
XÁC ĐỊNH GIÁ ĐÁNH GIÁ⁽¹⁾**

HSDT của nhà thầu _____

TT	Nội dung cần đưa về một mặt bằng	Cách thức đưa về một mặt bằng	Chi phí
1.	<i>Chi phí vận hành, bảo dưỡng</i>		
2.	<i>Chi phí lãi vay (nếu có)</i>		
3.	<i>Tiền độ</i>		
4.	<i>Chất lượng</i>		
5.	<i>Xuất xứ (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)</i>		
6.	<i>Các yếu tố khác (nếu có)</i>		
TỔNG CỘNG			

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Phần này cần liệt kê các yếu tố đưa về một mặt bằng để xác định giá đánh giá theo quy định trong HSMT và các chi phí tương ứng được quy đổi về cùng một mặt bằng.

XÁC ĐỊNH DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI CỦA GÓI THẦU

(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)

Trường hợp hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì tổ chuyên gia tiến hành kiểm tra, tính toán lại về tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước để xác định chính xác hàng hóa do nhà thầu chào có thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi hay không. Từ đó, xác định các hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong tổng số các loại hàng hóa theo yêu cầu của HSMT để làm cơ sở xác định Δ_{UD} theo Mẫu số 8A hoặc Mẫu số 8B như sau:

Stt	Hàng hóa	Nhà thầu	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)
	Hàng hóa 1	Nhà thầu A, Nhà thầu B	
	Hàng hóa 2	Nhà thầu A	
	Hàng hóa 3	Nhà thầu B, Nhà thầu C	
	...		

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong các hàng hóa theo yêu cầu của HSMT.

(2) Ghi tên các nhà thầu chào hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

**XÁC ĐỊNH Δ_{UD} ĐỐI VỚI HÀNG HÓA
KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI**
(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa áp dụng
phương pháp giá thấp nhất và giá đánh đánh giá)

HSDT của nhà thầu

Stt	Hàng hóa	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có)	Δ_{UD}
(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng cộng		

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(2) Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi;

(3) Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) của từng loại hàng hóa tương ứng ở cột (2);

(4) Cách xác định Δ_{UD} đối với hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi (bao gồm cả đấu thầu trong nước và quốc tế) = $7,5\% \times (3)$.

XÁC ĐỊNH ĐIỂM ƯU ĐÃI
(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa áp dụng
phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Hàng hóa	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có)
(1)	(2)	(3)
	Tổng cộng	(4)
	Giá gói thầu	(5)
	Điểm tổng hợp	(6)
	Điểm ưu đãi	(7)

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cách xác định điểm ưu đãi (bao gồm cả đấu thầu trong nước và quốc tế) như sau:

(2) Hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi;

(3) Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) của từng loại hàng hóa tương ứng ở cột (2);

(5) Giá gói thầu trong KHLCNT hoặc dự toán được duyệt;

(6) Điểm tổng hợp tại Mẫu số 9;

(7) = $7,5\% \times [(4)/(5)] \times (6)$.

XÁC ĐỊNH ĐIỂM TỔNG HỢP

(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)

HSDT của nhà thầu _____

A. Xác định điểm giá

$G_{\text{nàh thầu}}$	$G_{\text{thấp nhất}}$	Điểm giá (điểm)
(1)	(2)	(3)

Ghi chú:

(1) Là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có) chuyển về một đồng tiền chung (nếu có) của HSĐXTC của nhà thầu.

(2) Là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển về một đồng tiền chung (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính.

(3) Điểm giá = (2) x (100 hoặc 1000) / (1)

B. Xác định điểm tổng hợp

Đề xuất về kỹ thuật		Đề xuất về tài chính		Điểm tổng hợp	Điểm ưu đãi (nếu có)	Điểm tổng hợp sau ưu đãi
Điểm kỹ thuật	K%	Điểm giá	G%			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Điểm kỹ thuật của nhà thầu đang xét;

(2) Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong HSMT;

(3) Lấy ở bảng xác định điểm giá;

(4) Tỷ trọng điểm về giá quy định trong HSMT;

(5) = (1) x (2) + (3) x (4);

(6) Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa: điểm ưu đãi ở Mẫu 8B; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp áp dụng đấu thầu quốc tế: được tính bằng 7,5% x (5) đối với nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi;

(7) = (5) + (6).

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung	Giá trị
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có))	
2	Giá trị sửa lỗi	
3	Giá trị hiệu chỉnh sai lệch	
4	Tỷ lệ sai lệch thiếu	
5	Giá trị giảm giá (nếu có)	
6	Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có)	
7	Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT (nếu có)	
8	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có)	
	Phương pháp giá thấp nhất⁽¹⁾	
9	Δ_{UD} (nếu có) ⁽²⁾	
10	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có)	
	Phương pháp giá đánh giá⁽³⁾	
11	Giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng	
12	Δ_{UD} (nếu có) ⁽⁴⁾	
13	Giá đánh giá	
	Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá⁽⁵⁾	
14	Điểm giá	
15	Điểm kỹ thuật	
16	Điểm tổng hợp	
17	Điểm ưu đãi (nếu có)	
18	Điểm tổng hợp sau ưu đãi	

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá hoặc kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

(3) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

(2), (4) Δ_{USD} : là giá trị cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi, được xác định như sau:

- Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa lấy theo kết quả ở Mẫu số 8A;

- Đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp áp dụng đấu thầu quốc tế: Δ_{USD} được tính bằng $7,5\% \times$ Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có) chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) (Stt 8 Mẫu này).

(5) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá thì bỏ nội dung này.

**PHẦN III:
DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM**

Stt	Tài liệu	Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)
I	Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	
1.	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
2.	Quyết định phê duyệt HSMT, kèm theo HSMT được duyệt	
3.	Văn bản thành lập tổ chuyên gia	
4.	Quy chế làm việc của tổ chuyên gia (nếu có)	
5.	Chứng chỉ đào tạo về đấu thầu hoặc chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu của các thành viên trong tổ chuyên gia (bản chụp)	
II	Tổ chức lựa chọn nhà thầu	
6.	Thông báo mời thầu hoặc thư mời thầu	
7.	Văn bản yêu cầu làm rõ HSMT của nhà thầu (nếu có)	
8.	Văn bản làm rõ HSMT (nếu có)	
9.	Văn bản sửa đổi HSMT (nếu có)	
10.	Biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có)	
11.	Văn bản cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có), kèm theo thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)	
12.	Tài liệu xác nhận nhà thầu nộp HSDT	
13.	Biên bản đóng thầu (nếu có)	
14.	Biên bản mở HSDXKT	
III	Đánh giá HSDXKT	
15.	HSDXKT của các nhà thầu tham dự (bản chụp)	
16.	Bản kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp HSDXKT của các nhà thầu	
17.	Bản kiểm tra tính hợp lệ của HSDXKT	
18.	Bản đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDXKT	
19.	Bản đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của từng nhà thầu	
20.	Bản đánh giá chi tiết về kỹ thuật của từng HSDXKT	
21.	Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá HSDXKT	
22.	Báo cáo thẩm định kết quả đánh giá về kỹ thuật	
23.	Văn bản phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	
24.	Văn bản thông báo danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	
25.	Biên bản mở HSDXTC	
IV	Đánh giá HSDXTC	
26.	HSDXTC của các nhà thầu tham dự (bản chụp)	
27.	Bản kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp HSDXTC của	

Stt	Tài liệu	Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)
	các nhà thầu	
28.	Bản kiểm tra tính hợp lệ của HSDXTC	
29.	Bản đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDXTC	
30.	Bản sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch	
31.	Bản chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có) sang một đồng tiền chung	
32.	Bảng đưa các chi phí về một mặt bằng của từng HSDT (đối với phương pháp giá đánh giá)	
33.	Bảng xác định hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi (nếu có)	
34.	Bảng xác định Δ_{UD} (nếu có)	
35.	Bảng xác định điểm tổng hợp (đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)	
36.	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá về tài chính	
37.	Văn bản phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu	
38.	Biên bản thương thảo hợp đồng	
39.	Các tài liệu khác có liên quan	



MẪU SỐ 03

MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

(đối với gói thầu dịch vụ tư vấn)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 23/2015/TT-BKHĐT
ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
KHLCNT	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
DVTV	Dịch vụ tư vấn
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSĐT	Hồ sơ dự thầu
HSĐXKT	Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật
HSĐXTC	Hồ sơ đề xuất về tài chính
Chủ đầu tư	Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên
Dự án	Dự án đầu tư phát triển hoặc dự toán mua sắm thường xuyên

**PHẦN I:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT**

(tên gói thầu)

(tên dự án)

(tên Bên mời thầu)

Số: / _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]

thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên mời thầu]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

a) Phần này nêu khái quát về dự án, gói thầu và các văn bản pháp lý là cơ sở để thực hiện gói thầu:

- Tên Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- Tên dự án và tóm tắt về dự án;
- Tên gói thầu và tóm tắt về gói thầu; nội dung của gói thầu được phê duyệt trong KHLCNT;
- Một số mốc thời gian chính trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Các văn bản pháp lý liên quan được liệt kê và đính kèm (bản chụp) báo cáo này.

b) Liệt kê danh sách nhà thầu mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu và danh sách nhà thầu nộp HSDT.

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được _____ [Ghi tên Bên mời thầu/tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp] thành lập theo Quyết định số _____ [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện đánh giá HSDT gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

Trường hợp Chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp đánh giá HSDT thì bổ sung nội dung sau: Căn cứ hợp đồng số _____ [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày _____ [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa _____ [Ghi tên Bên mời thầu] và _____ [Ghi tên tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp] về việc thuê tổ chức/đơn vị đánh giá HSDT gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

b) Thành phần tổ chuyên gia:

Phần này mô tả số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia tại **Bảng số 1**.

Bảng số 1

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HSDXKT

1. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

Căn cứ vào kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp của HSDXKT do Bên mời thầu thực hiện, kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

Stt	Tên nhà thầu	Nội dung không thống nhất		Ghi chú
		Bản gốc	Bản chụp	

2. Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT

a) Trên cơ sở kiểm tra tính hợp lệ của HSDXKT (lập theo Mẫu số 1); đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDXKT (lập theo Mẫu số 2), kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDXKT được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

Bảng số 3

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)	Ghi chú

b) Thuyết minh về các trường hợp HSDXKT không hợp lệ (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSDXKT).

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSDXKT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDXKT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDXKT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ HSDXKT).*

3. Đánh giá chi tiết HSDXKT

a) Trên cơ sở đánh giá chi tiết về kỹ thuật của từng HSDXKT (lập theo Mẫu số 3), kết quả đánh giá nội dung này được tổng hợp theo **Bảng số 4** dưới đây:

Liệt kê tên nhà thầu, số điểm tương ứng (theo thứ tự từ cao xuống thấp trong trường hợp đánh giá theo phương pháp chấm điểm).

Bảng số 4

Stt	Tên nhà thầu	Kết quả đánh giá	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSMT (kể cả khi đã làm rõ HSDT). *Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá. *Phần này nêu rõ các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó.*

Ghi chú: Đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật, tổ chuyên gia tiến hành xác định điểm ưu đãi = 7,5% x điểm kỹ thuật của nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi để so sánh, xếp hạng.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá HSDXKT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

- 1. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;*
- 2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;*
- 3. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.*

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

Stt	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

KIỂM TRA TÍNH HỢP LỆ CỦA HSĐXKT

HSĐXKT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung kiểm tra	Kết quả ⁽¹⁾		Ghi chú
		Có	Không có	
1	Có bản gốc và đủ số lượng bản chụp HSĐXKT			
2	Đơn dự thầu thuộc HSĐXKT			
3	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) ⁽²⁾			
4	Giấy ủy quyền (nếu có) ⁽³⁾			
5	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu			
6	Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm			
7	Đề xuất về kỹ thuật			
8	Các thành phần khác thuộc HSĐXKT			

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng của cột "Có", nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng của cột "Không có".

(2) Trường hợp là nhà thầu liên danh phải kiểm tra nội dung này. Trường hợp nhà thầu độc lập, không áp dụng điều kiện này.

(3) Trường hợp có ủy quyền thì kiểm tra nội dung này. Trường hợp không có ủy quyền thì bỏ nội dung này.

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSĐXKT

HSĐXKT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾		Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đáp ứng	Không đáp ứng		
1	Bản gốc HSĐXKT				
2	Đơn dự thầu ⁽³⁾				
3	Hiệu lực của HSĐXKT				
4	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).				
5	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh)				
6	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định của HSMT				
7	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật đấu thầu				
KẾT LUẬN⁽⁴⁾					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu đánh giá là “Đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đáp ứng”, nếu đánh giá là “không đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đáp ứng” và nêu rõ lý do không đáp ứng tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(3) Đơn dự thầu bao gồm các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định 63/CP.

(4) HSDT được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là “đáp ứng”, HSDT được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “không đáp ứng”.

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong HSMT ⁽²⁾			ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia		
TỔNG CỘNG							
KẾT LUẬN⁽⁴⁾							

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong HSMT.

Đính kèm theo văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu (bản chụp), văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (bản chụp).

Stt	Nội dung	Nhà thầu		
		A	B	...
4	Điểm kỹ thuật sau ưu đãi ¹			
5	Xếp hạng các HSDT*			
	Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá²			
6	Điểm tổng hợp ³			
7	Xếp hạng các HSDT*			

Ghi chú:

- * Đối với gói thầu tư vấn đấu thầu trong nước: việc xếp hạng các HSDT tại mục số 3, 5 và 7 cần xem xét đến các trường hợp được hưởng ưu đãi như sau:

(i) HSDT của nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có hợp đồng lao động tối thiểu 03 tháng; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ được xếp hạng cao hơn HSDT của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 63/CP.

(ii) Trường hợp sau khi ưu đãi, nếu các HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 63/CP.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá HSDXTC, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;
2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;
3. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý;

V. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

¹ Kết chuyển từ stt 14 Bảng số 3

² Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá cố định thì bỏ nội dung này.

³ Kết chuyển từ stt 19 Bảng số 3.

Stt	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

KIỂM TRA TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDXTC

HSDXTC của nhà thầu _____

Stt	Nội dung kiểm tra	Kết quả ⁽¹⁾		Ghi chú
		Có	Không có	
1	Có bản gốc và đủ số lượng bản chụp HSDXTC			
2	Đơn dự thầu thuộc HSDXTC			
3	Bảng giá tổng hợp			
4	Bảng thù lao cho chuyên gia			
5	Các thành phần khác thuộc HSDXTC			

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng của cột "Có", nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng của cột "Không có".

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDXTC

HSDXKT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾		Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đáp ứng	Không đáp ứng		
1	Có bản gốc HSDXTC				
2	Đơn dự thầu ⁽³⁾				
KẾT LUẬN⁽⁴⁾					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là “Đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đáp ứng”, nếu được đánh giá là “không đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đáp ứng” và nêu rõ lý do không đáp ứng tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(3) Đơn dự thầu bao gồm các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 Nghị định 63/CP.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là “đáp ứng”, nhà thầu được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “không đáp ứng”.

SỬA LỖI⁽¹⁾

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung cần sửa lỗi	Giá trị lỗi số học	Giá trị lỗi khác	Ghi chú
1.				
2.				
...				
n.				
Tổng cộng		(i)	(ii)	
KẾT LUẬN				

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Việc sửa lỗi thực hiện theo quy định trong HSMT.

Đính kèm theo bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả sửa lỗi HSDT; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc sửa lỗi của Bên mời thầu.

HIỆU CHỈNH SAI LỆCH⁽¹⁾

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung cần hiệu chỉnh sai lệch	Giá trị sai lệch		Ghi chú
		Sai lệch thiếu	Sai lệch thừa	
1.		i_1	ii_1	
2.		i_2	ii_2	
.....		
n.		i_n	ii_n	
Tổng cộng		i	ii	

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Việc hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định trong HSMT.

Đính kèm bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả hiệu chỉnh sai lệch HSDT; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc hiệu chỉnh sai lệch của Bên mời thầu.

**CHUYỂN ĐỔI GIÁ DỰ THẦU SAU SỬA LỖI,
HIỆU CHỈNH SAI LỆCH, TRỪ GIÁ TRỊ GIẢM GIÁ (NẾU CÓ),
CHUYỂN ĐỔI VỀ MỘT ĐỒNG TIỀN CHUNG⁽¹⁾**

HSDT của nhà thầu

Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có)	Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp trong HSMT cho phép nhà thầu chào nhiều đồng tiền khác nhau thì trong báo cáo cần chuyển đổi giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá) sang một đồng tiền chung theo tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT.

Trường hợp không cần chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có) về một đồng tiền chung thì bỏ Mẫu này.

XÁC ĐỊNH ĐIỂM TỔNG HỢP

(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)

HSDT của nhà thầu _____

A. Xác định điểm giá

$G_{\text{nàh thầu}}$	$G_{\text{tháp nhất}}$	Điểm giá (điểm)
(1)	(2)	(3)

Ghi chú:

(1) Là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có) chuyển về một đồng tiền chung (nếu có) của HSĐXTC của nhà thầu.

(2) Là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển về một đồng tiền chung (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính.

(3) Điểm giá = $(2) \times (100 \text{ hoặc } 1000) / (1)$

B. Xác định điểm tổng hợp

Đề xuất về kỹ thuật		Đề xuất về tài chính		Điểm tổng hợp	Điểm ưu đãi (nếu có)	Điểm tổng hợp sau ưu đãi
Điểm kỹ thuật	K%	Điểm giá	G%			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Điểm kỹ thuật của nhà thầu đang xét;

(2) Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong HSMT;

(3) Lấy ở bảng xác định điểm giá;

(4) Tỷ trọng điểm về giá quy định trong HSMT;

$(5) = (1) \times (2) + (3) \times (4)$;

$(6) = 7,5\% \times (5)$ đối với nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong đấu thầu quốc tế;

$(7) = (5) + (6)$.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung	Giá trị
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn)	
2	Giá trị sửa lỗi	
3	Giá trị hiệu chỉnh sai lệch	
4	Giá trị giảm giá (nếu có)	
5	Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có)	
6	Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT (nếu có)	
7	Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có) chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) ⁽¹⁾	
	Phương pháp giá thấp nhất⁽²⁾	
8	Δ_{USD} (nếu có) ⁽³⁾	
9	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có), và tính ưu đãi (nếu có)	
	Phương pháp giá cố định⁽⁴⁾	
10	Giá gói thầu nêu trong HSMT	
11	Kết luận ⁽⁵⁾	
12	Điểm kỹ thuật của nhà thầu	
13	Điểm ưu đãi ⁽⁶⁾	
14	Điểm kỹ thuật sau ưu đãi	
	Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá⁽⁷⁾	
15	Điểm giá	
16	Điểm kỹ thuật	
17	Điểm tổng hợp	
18	Điểm ưu đãi (nếu có)	
19	Điểm tổng hợp sau ưu đãi	

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp trong HSMT cho phép nhà thầu chào nhiều đồng tiền khác nhau thì cần chuyển đổi sang một đồng tiền chung theo tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT.

(2) Trường hợp áp dụng phương pháp giá cố định hoặc kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

(3) Δ_{UD} : là giá trị cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi, được xác định như sau:

Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu quốc tế: Δ_{UD} được tính bằng $7,5\% \times$ giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) (Stt 7 Mẫu này).

(4) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

(5) So sánh giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) tại stt 7 Mẫu này với giá gói thầu nêu trong HSMT: Trường hợp cao hơn giá gói thầu thì ghi rõ là "Không đáp ứng", trường hợp không cao hơn giá gói thầu thì ghi rõ là "Đáp ứng".

(6) Xác định điểm ưu đãi:

Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu quốc tế: điểm ưu đãi được tính bằng $7,5\% \times$ điểm kỹ thuật (stt 12 Mẫu này) cho các nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

(7) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá thì bỏ nội dung này.

**PHẦN III:
DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM**

Stt	Tài liệu	Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)
I	Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	
1.	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
2.	Quyết định phê duyệt HSMT, kèm theo HSMT được duyệt	
3.	Văn bản thành lập tổ chuyên gia	
4.	Quy chế làm việc của tổ chuyên gia (nếu có)	
5.	Chứng chỉ đào tạo về đấu thầu hoặc chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu của các thành viên trong tổ chuyên gia (bản chụp)	
II	Tổ chức lựa chọn nhà thầu	
6.	Thông báo mời thầu hoặc thư mời thầu	
7.	Văn bản yêu cầu làm rõ HSMT của nhà thầu (nếu có)	
8.	Văn bản làm rõ HSMT (nếu có)	
9.	Văn bản sửa đổi HSMT (nếu có)	
10.	Biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có)	
11.	Văn bản cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có), kèm theo thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)	
12.	Tài liệu xác nhận nhà thầu nộp HSDT	
13.	Biên bản đóng thầu (nếu có)	
14.	Biên bản mở HSDXKT	
III	Đánh giá HSDXKT	
15.	HSDXKT của các nhà thầu tham dự (bản chụp)	
16.	Bản kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp HSDXKT của các nhà thầu	
17.	Bản kiểm tra tính hợp lệ của HSDXKT	
18.	Bản đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDXKT	
19.	Bản đánh giá chi tiết về kỹ thuật của từng HSDT	
20.	Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá HSDXKT	
21.	Báo cáo thẩm định kết quả đánh giá về kỹ thuật	
22.	Văn bản phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	
23.	Văn bản thông báo danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	
24.	Biên bản mở HSDXTC	
IV	Đánh giá HSDXTC	
25.	HSDXTC của các nhà thầu tham dự (bản chụp)	
26.	Bản kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp HSDXTC của các nhà thầu	
27.	Bản kiểm tra tính hợp lệ của HSDXTC	

Stt	Tài liệu	Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)
28.	Bản đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDXTC	
29.	Bản sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch	
30.	Bản chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung	
31.	Bảng xác định điểm tổng hợp (<i>đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá</i>)	
32.	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá về tài chính	
33.	Văn bản phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu	
34.	Biên bản thương thảo hợp đồng	
35.	Các tài liệu khác có liên quan	



PHỤ LỤC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 23/2015/TT-BKHĐT
Ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Phụ lục 1: Mẫu Biên bản đóng thầu

Phụ lục 2A: Mẫu Biên bản mở thầu (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

Phụ lục 2B: Mẫu Biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Phụ lục 3A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Phụ lục 3B: Mẫu Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Phụ lục 4: Mẫu Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Phụ lục 5A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

Phụ lục 5B: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Phụ lục 6A: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp)

Phụ lục 6B: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn)

Phụ lục 7: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Phụ lục 8: Mẫu Bản cam kết

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
KHLCNT	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSĐT	Hồ sơ dự thầu
HSĐXKT	Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật
HSĐXTC	Hồ sơ đề xuất về tài chính
DVTV	Dịch vụ tư vấn

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BIÊN BẢN ĐÓNG THẦU⁽¹⁾

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án: ____ [Ghi tên dự án theo quyết định đầu tư].

II. Tên gói thầu: ____ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].

III. Bên mời thầu và các nhà thầu nộp HSDT:

1. Bên mời thầu: ____ [Ghi tên thành viên tiếp nhận HSDT].

2. Danh sách các nhà thầu nộp HSDT tính đến thời điểm đóng thầu:

Stt	Tên nhà thầu	Địa chỉ	Số điện thoại, fax	Tình trạng niêm phong	Ghi chú

3. Các nhà thầu có văn bản đề nghị rút, thay thế, sửa đổi, bổ sung HSDT (nếu có): ____ [Ghi tên, địa chỉ của nhà thầu].

B. CÁC THÔNG TIN KHÁC (NẾU CÓ)

Thời điểm đóng thầu: ____ [ghi thời điểm đóng thầu] tại ____ [ghi địa điểm đóng thầu].

Chữ ký của Bên mời thầu _____

[Đại diện Bên mời thầu ký tên, đóng dấu (nếu có)].

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu không cần lập Biên bản đóng thầu khi thấy không cần thiết.

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BIÊN BẢN MỞ THẦU

(đối với gói thầu áp dụng phương thức
một giai đoạn một túi hồ sơ)

Lễ mở thầu được bắt đầu vào lúc ____ [Ghi thời điểm mở thầu] tại ____
[Ghi địa điểm mở thầu].

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án: ____ [Ghi tên dự án theo quyết định đầu tư].

II. Tên gói thầu: ____ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].

III. Danh sách nhà thầu

1. Các nhà thầu mua hoặc nhận HSDT từ bên mời thầu: ____ [Ghi tên,
địa chỉ các nhà thầu].

2. Các nhà thầu nộp HSDT theo đúng quy định: ____ [Ghi tên, địa chỉ
các nhà thầu].

3. Các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): ____ [Ghi
tên, địa chỉ các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu].

4. Các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT (nếu có):
____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế
HSDT].

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ THẦU

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1.	Văn bản đề nghị rút HSDT (nếu có)			
2.	Tình trạng niêm phong của HSDT trước khi mở			
3.	Bản gốc HSDT			
4.	Số lượng bản chụp HSDT			
5.	Thời gian có hiệu lực của HSDT (ghi rõ thời gian có hiệu lực của HSDT nêu trong đơn dự thầu)			
6.	Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu (chưa trừ giá trị giảm giá, nếu có)			

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
7.	Giảm giá (nếu có)			
8.	Giá dự thầu sau giảm giá			
9.	Giá dự thầu trong bảng tổng hợp giá dự thầu			
10.	Hình thức, giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu			
11.	Thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong đơn dự thầu			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở thầu (nếu có).

C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

_____ [*Bên mời thầu điền các thông tin liên quan khác (nếu có)*].

Bản chụp biên bản mở thầu được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở thầu kết thúc vào: _____ [*Ghi thời điểm kết thúc lễ mở thầu*]

Chữ ký của đại diện Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu:

Ghi chú:

Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc các tài liệu sau: đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDT. Việc mở thầu tuân thủ theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định 63/CP và HSMT.

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BIÊN BẢN
MỞ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT
(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Lễ mở thầu được bắt đầu vào lúc ____ [Ghi thời điểm mở thầu] tại ____
[Ghi địa điểm mở thầu].

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án: ____ [Ghi tên dự án theo quyết định đầu tư].

II. Tên gói thầu: ____ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].

III. Danh sách nhà thầu

1. Các nhà thầu mua hoặc nhận HSDT từ bên mời thầu: ____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu].

2. Các nhà thầu nộp HSDT theo đúng quy định: ____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu].

3. Các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): ____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu].

4. Các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT (nếu có):
____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT].

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ HỒ SƠ

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Văn bản đề nghị rút HSDT (nếu có)			
2	Tình trạng niêm phong của HSDT trước khi mở			
3	Bản gốc HỒ SƠ			
4	Số lượng bản chụp HỒ SƠ			
5	Thời gian có hiệu lực của HSDT (ghi rõ thời gian có hiệu lực của HSDT nêu trong đơn dự thầu)			
6	Hình thức, giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu ⁽¹⁾			
7	Thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong đơn dự thầu			
8	Tình trạng niêm phong của HỒ SƠ			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở HSDXKT (nếu có).

C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

_____ [*Bên mời thầu điền các thông tin liên quan khác (nếu có)*].

Bản chụp biên bản mở thầu được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở HSDXKT kết thúc vào: _____ [*Ghi thời điểm kết thúc lễ mở HSDXKT*].

Chữ ký của đại diện Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXKT:

Ghi chú:

Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc các tài liệu sau: đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung quan trọng của từng HSDXKT.

HSDXTC của tất cả các nhà thầu phải được Bên mời thầu niêm phong trong một túi riêng biệt và được đại diện của Bên mời thầu, nhà thầu tham dự lễ mở thầu ký niêm phong.

Việc mở HSDXKT tuân thủ theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định 63/CP và HSMT

(1) Bỏ nội dung này đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá HSĐXKT gói thầu....

[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]

(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Kính gửi: [ghi tên Chủ đầu tư]

1. Căn cứ pháp lý

Nêu các căn cứ pháp lý có liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu.

2. Nội dung gói thầu

Theo KHLCNT, Bên mời thầu điền các nội dung liên quan đến gói thầu như sau:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu;
- Nguồn vốn;
- Thời gian lựa chọn nhà thầu;
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

3. Quá trình thực hiện

a) Bên mời thầu tóm tắt quá trình thực hiện theo bảng sau:

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	
2	Đăng tải KHLCNT	[Ghi ngày đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia]
3	Mời thầu	
3.1	Đăng tải thông báo mời thầu hoặc gửi thư mời thầu	[Ghi phương tiện đăng tải, thời điểm đăng tải]
3.2	Thời gian phát hành HSMT	[Ghi thời gian thực tế phát hành HSMT]

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
3.3	Làm rõ HSMT (nếu có)	[Ghi thời gian, số, ngày, ký hiệu của văn bản yêu cầu làm rõ của nhà thầu và văn bản làm rõ HSMT của Bên mời thầu]
3.4	Sửa đổi HSMT (nếu có)	[Ghi thời gian, số, ngày ban hành văn bản sửa đổi]
3.5	Thời gian tổ chức hội nghị tiền đấu thầu (nếu có)	[Ghi thời gian tổ chức hội nghị]
3.6	Thời điểm đóng thầu	[Ghi thời điểm đóng thầu]
3.7	Gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)	[Ghi thời điểm đóng thầu mới]
3.8	Danh sách nhà thầu mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu	Liệt kê nhà thầu mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu]
3.9	Danh sách nhà thầu nộp HSDT đến thời điểm đóng thầu	[Liệt kê nhà thầu nộp HSDT đến thời điểm đóng thầu]
3.10	Danh sách nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có)	[Liệt kê nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu]
4	Mở thầu	
4.1	Thời gian và địa điểm mở thầu	[Ghi thời gian và địa điểm mở thầu]
4.2	Các vấn đề khác trong quá trình mở thầu (nếu có)	[Ghi các vấn đề và cách xử lý]
5	Đánh giá HSDXKT	
5.1	Thời gian đánh giá HSDXKT	[Ghi thời gian đánh giá HSDT từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm]

b) Các vấn đề trong quá trình đánh giá HSDXKT, các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống;

c) Kết luận của tổ chuyên gia về danh sách nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật;

d) Ý kiến của Bên mời thầu về các nội dung đánh giá nêu trong báo cáo của tổ chuyên gia, ý kiến của tổ chuyên gia;

đ) Nhận xét của Bên mời thầu về việc bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch.

4. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá HSDXKT, _____ [ghi tên Bên mời thầu] kiến nghị _____ [ghi tên Chủ đầu tư] phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu _____ [ghi tên gói thầu theo KHLCNT]:

[Liệt kê:

- Các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, số điểm kỹ thuật;
- Các nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, số điểm kỹ thuật.]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định (đề thẩm định);
- Lưu: VT,

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**
(ký tên, đóng dấu (nếu có))

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

QUYẾT ĐỊNH¹

Về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.....[ghi tên gói thầu] thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu....[ghi tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu] thuộc dự án.....[ghi tên dự án]

(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

[ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ]

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ

[Nêu các căn cứ pháp lý như: Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu, Tờ trình của bên mời thầu; Báo cáo thẩm định của tổ thẩm định...]

Xét đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu.... thuộc dự án.... bao gồm:

[Ghi tên đầy đủ của nhà thầu. Trường hợp áp dụng phương pháp chấm điểm phải ghi rõ số điểm và xếp hạng nhà thầu theo thứ tự từ cao đến thấp]

Điều 2. Giao[ghi tên đơn vị được giao] chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.[ghi tên đơn vị được giao] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- (....)
- Lưu: VT, BMT (....).

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[ký tên, đóng dấu]

¹ Chủ đầu tư sử dụng phụ lục này.

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BIÊN BẢN
MỞ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH
(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Lễ mở HSDXTC được bắt đầu vào lúc ____ [Ghi thời điểm mở HSDXTC] tại ____ [Ghi địa điểm mở HSDXTC].

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án: ____ [Ghi tên dự án theo quyết định đầu tư].

II. Tên gói thầu: ____ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].

III. Danh sách nhà thầu tham dự: ____ [Ghi tên các nhà thầu].

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ HSDXTC

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Tình trạng niêm phong của HSDXTC			
2	Điểm kỹ thuật của các HSDT được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật			
3	Bản gốc HSDXTC			
4	Số lượng bản chụp HSDXTC			
5	Đơn dự thầu thuộc HSDXTC			
6	Thời gian có hiệu lực của HSDXTC			
7	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu chưa trừ giá trị giảm giá, nếu có)			
8	Giá trị giảm giá (nếu có)			

Y kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở HSDXTC (nếu có).

C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

____ [Bên mời thầu điền các thông tin liên quan khác (nếu có)].

Bản chụp biên bản mở HSDXTC được gửi đến tất cả các bên tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở HSDXTC kết thúc vào: ____ [Ghi thời điểm kết thúc lễ mở HSDXTC].

Chữ ký của đại diện Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXTC:

Ghi chú:

Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào tất cả các trang bản gốc của HSDXTC.

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu....¹
[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]
(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

Kính gửi: [ghi tên Chủ đầu tư]

1. Căn cứ pháp lý

Nêu các căn cứ pháp lý có liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu.

2. Nội dung gói thầu

Theo KHLCNT, Bên mời thầu điền các nội dung liên quan đến gói thầu như sau:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu;
- Nguồn vốn;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

3. Quá trình thực hiện

a) Bên mời thầu tóm tắt quá trình thực hiện theo bảng sau:

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	
2	Đăng tải KHLCNT	[Ghi ngày đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia]
3	Mời thầu	
3.1	Đăng tải thông báo mời thầu	[Ghi phương tiện đăng tải, số báo]

¹ Danh sách xếp hạng nhà thầu không cần phải thẩm định trước khi phê duyệt. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không xếp hạng nhà thầu.

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
	hoặc gửi thư mời thầu	<i>và thời gian đăng tải hoặc số văn bản hoặc số thông báo trên hệ thống]</i>
3.2	Thời gian phát hành HSMT	<i>[Ghi thời gian thực tế phát hành HSMT]</i>
3.3	Làm rõ HSMT (nếu có)	<i>[Ghi thời gian, số, ngày, ký hiệu của văn bản yêu cầu làm rõ của nhà thầu và văn bản làm rõ HSMT của Bên mời thầu]</i>
3.4	Sửa đổi HSMT (nếu có)	<i>[Ghi thời gian, số, ký hiệu ban hành văn bản sửa đổi HSMT]</i>
3.5	Thời gian tổ chức hội nghị tiền đấu thầu (nếu có)	<i>[Ghi thời gian tổ chức hội nghị]</i>
3.6	Thời điểm đóng thầu	<i>[Ghi thời điểm đóng thầu]</i>
3.7	Gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)	<i>[Ghi thời điểm đóng thầu mới]</i>
3.8	Danh sách nhà thầu mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu	<i>Liệt kê nhà thầu mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu]</i>
3.9	Danh sách nhà thầu nộp HSĐT đến thời điểm đóng thầu	<i>[Liệt kê nhà thầu nộp HSĐT đến thời điểm đóng thầu]</i>
3.10	Danh sách nhà thầu nộp HSĐT sau thời điểm đóng thầu (nếu có)	<i>[Liệt kê nhà thầu nộp HSĐT sau thời điểm đóng thầu]</i>
4	Mở thầu	
4.1	Thời gian và địa điểm mở thầu	<i>[Ghi thời gian và địa điểm mở thầu]</i>
4.2	Các vấn đề khác trong quá trình mở thầu (nếu có)	<i>[Ghi các vấn đề và cách xử lý]</i>
5	Đánh giá HSĐT	
5.1	Thời gian đánh giá HSĐT	<i>[Ghi thời gian đánh giá HSĐT từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm]</i>

b) *Nêu các vấn đề trong quá trình đánh giá HSĐT; các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống;*

c) *Kết luận của tổ chuyên gia về danh sách xếp hạng nhà thầu;*

d) *Ý kiến của Bên mời thầu về các nội dung đánh giá nêu trong báo cáo của tổ chuyên gia, ý kiến của tổ chuyên gia;*

đ) Nhận xét của Bên mời thầu về việc bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

4. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá HSDT, _____ [ghi tên Bên mời thầu] kiến nghị _____ [ghi tên Chủ đầu tư] phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu của gói thầu _____ [ghi tên gói thầu theo KHLCNT]:

[Danh sách xếp hạng các nhà thầu theo thứ tự].

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**
(ký tên, đóng dấu (nếu có))

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu....¹
[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]
(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Kính gửi: [ghi tên Chủ đầu tư]

1. Căn cứ pháp lý

Nêu các căn cứ pháp lý liên quan đến quá trình đánh giá HSDXTC:

- Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;
- Biên bản mở HSDXTC;
- Báo cáo đánh giá HSDXTC của tổ chuyên gia.

2. Quá trình thực hiện

a) Bên mời thầu mô tả quá trình đánh giá HSDXTC, tóm tắt các mốc thời gian và ngày tháng ban hành các quyết định, văn bản có liên quan như sau:

- Thời gian mở HSDXTC;
- Thời gian đánh giá HSDXTC của tổ chuyên gia;
- Các vấn đề trong quá trình đánh giá HSDXTC; các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống;

- Kết luận của tổ chuyên gia.

b) Ý kiến của Bên mời thầu về các nội dung đánh giá nêu trong báo cáo của tổ chuyên gia, ý kiến của tổ chuyên gia;

c) Nhận xét của Bên mời thầu về việc bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

3. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá HSDT, _____ [ghi tên Bên mời thầu] kiến nghị _____ [ghi tên Chủ đầu tư] phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu của gói thầu _____ [ghi tên gói thầu theo KHLCNT]:

[Danh sách xếp hạng các nhà thầu theo thứ tự].

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**

(ký tên, đóng dấu (nếu có))

¹ Danh sách xếp hạng nhà thầu không cần phải thẩm định trước khi phê duyệt. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không xếp hạng nhà thầu.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

(đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp)

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Số: _____ / _____

Căn cứ pháp lý: [nêu các căn cứ pháp lý liên quan đến gói thầu như: Luật đấu thầu số 43/2013/QH13, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; văn bản phê duyệt dự án, KHLCNT; các văn bản liên quan đến gói thầu...].

Hôm nay, ngày ___ / ___ / ___ tại địa chỉ: _____, chúng tôi, đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu: _____ [ghi tên Bên mời thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Nhà thầu: _____ [ghi tên nhà thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Hai bên đã thương thảo⁽¹⁾ và thống nhất những nội dung trong hợp đồng như sau:

- *Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;*

- *Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật*

thay thế;

- Thương thảo về nhân sự;
- Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;
- Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng;
- Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Việc thương thảo hợp đồng kết thúc vào _____ ngày ____/____/____. Biên bản thương thảo hợp đồng được lập thành _____ bản, bên A giữ _____ bản, bên B giữ ____ bản, các biên bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nguyên tắc thương thảo hợp đồng phải tuân thủ theo quy định trong HSMT, Nghị định 63/CP, Luật đấu thầu.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

(đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn)

Gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu]

Số: ____ / ____

Căn cứ pháp lý: [nêu các căn cứ pháp lý liên quan đến gói thầu như: Luật đấu thầu số 43/2013/QH13, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; văn bản phê duyệt dự án, KHLCNT; các văn bản liên quan đến gói thầu....]

Hôm nay, ngày ____ / ____ / ____ tại địa chỉ: _____, chúng tôi, đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu: _____ [ghi tên Bên mời thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

Nhà thầu: _____ [ghi tên nhà thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

Hai bên đã thương thảo⁽¹⁾ và thống nhất những nội dung trong hợp đồng như sau:

- Nhiệm vụ và phạm vi công việc chi tiết của nhà thầu cần thực hiện;
- Chuyển giao công nghệ và đào tạo (nếu có);
- Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;
- Tiến độ;
- Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);
- Bố trí điều kiện làm việc;

- Thương thảo về chi phí DVTV trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế của Việt Nam (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;

- Trường hợp đấu thầu quốc tế, phải nêu rõ thuế nhà thầu nước ngoài và thuế VAT phải nộp, phương thức nộp thuế...

- Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSĐT, giữa các nội dung khác nhau trong HSĐT với nhau dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

- Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

- Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Việc thương thảo hợp đồng kết thúc vào _____ ngày ___/___/____. Biên bản thương thảo hợp đồng được lập thành _____ bản, bên A giữ _____ bản, bên B giữ ___ bản, các biên bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

ĐẠI DIỆN BÊN B
[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nguyên tắc thương thảo hợp đồng phải tuân thủ theo quy định trong HSMT, Nghị định 63/CP, Luật đấu thầu.

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu....
[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]

Kính gửi: [ghi tên Chủ đầu tư]

1. Căn cứ pháp lý

Bên mời thầu nêu các căn cứ pháp lý như sau:

- Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng;
- Biên bản thương thảo hợp đồng.

2. Quá trình thương thảo hợp đồng

a) Bên mời thầu mô tả quá trình thương thảo, tóm tắt các nội dung thương thảo hợp đồng:

- Ngày tháng tiến hành thương thảo;
- Các vấn đề trong quá trình thương thảo.

b) Lưu ý đối với Chủ đầu tư trong quá trình hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

3. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá HSĐT và thương thảo với nhà thầu _____ [ghi tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu], _____ [ghi tên Bên mời thầu] kiến nghị _____ [ghi tên Chủ đầu tư] phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu theo KHLCNT] với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu trúng thầu;
- Giá đề nghị trúng thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện hợp đồng;
- Danh sách nhà thầu phụ (nếu có);
- Các thông tin khác;

- Tài liệu gửi kèm theo: báo cáo đánh giá của tổ chuyên gia, biên bản thương thảo hợp đồng, tờ trình, quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu và các tài liệu khác có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định (để thẩm định);
- Lưu: VT,

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**
(ký tên, đóng dấu (nếu có))

BẢN CAM KẾT

Tôi tên là: _____

Là thành viên của tổ chuyên gia đánh giá HSDT gói thầu _____ theo Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____ [ghi tên đơn vị ban hành quyết định]. Tôi được cấp chứng chỉ về đấu thầu số: _____ do _____ [ghi tên đơn vị cấp chứng chỉ] cấp tại _____.

Tôi cam kết như sau:

- Được đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành, có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp và có năng lực, kinh nghiệm để đánh giá HSDT đối với gói thầu đang xét;

- Đánh giá HSDT trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá HSDT của mình;

- Bảo mật các thông tin và hồ sơ, tài liệu trong quá trình đánh giá HSDT theo đúng quy định của pháp luật;

- Không vi phạm các quy định về bảo đảm cạnh tranh.

Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người cam kết

(Ký và ghi rõ họ tên)